Mẫu số: **02/TAIN-VSP**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số*

*80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TÀI NGUYÊN ĐỐI VỚI DẦU KHÍ**

**[01]** Dầu thô:[[1]](#footnote-1) □ **[02]** Condensate: □ **[03]** Khí thiên nhiên: □

**[04]** Kỳ tính thuế:[[2]](#footnote-2) Năm ...

**[05]** Lần đầu[[3]](#footnote-3) □ **[06]** Bổ sung lần thứ: ...

**[07]** Tên người nộp thuế:[[4]](#footnote-4) .............................................................................................

**[08]** Mã số thuế:[[5]](#footnote-5)

**[09]** Địa chỉ: ...................... **[10]** Quận/huyện: ............... **[11]** Tỉnh/Thành phố: .............

**[12]** Điện thoại: ................ **[13**] Fax: ............................ **[14]** E-mail: ...........................

**[15]** Hợp đồng dầu khí lô: ............................................................................................

**[16]** Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

**[17]** Tên đơn vị được uỷ quyền[[6]](#footnote-6) [ ] hoặc Đại lý thuế[[7]](#footnote-7) [ ]: ..........................................

**[18]** Mã số thuế:

**[19]** Địa chỉ: ...................... **[19]** Quận/huyện: ............... **[20]** Tỉnh/Thành phố: ............

**[22]** Điện thoại: ................ **[23]** Fax: ............................ **[24]** E-mail: ...........................

**[25]** Hợp đồng uỷ quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số: ............. ngày .....................

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Mã số** | **Đơn vị tính[[8]](#footnote-8)** | **Giá trị** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 1 | Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế[[9]](#footnote-9)  [26]=[26a]+[26b] | [26] | Thùng; m3 |  |
| *1.1* | *Sản lượng xuất khẩu* | *[26a]* | *Thùng; m3* |  |
| *1.2* | *Sản lượng xuất bán tại Việt Nam* | *[26b]* | *Thùng; m3* |  |
| 2 | Tổng doanh thu xuất bán trong kỳ tính thuế | [27] | USD; VND |  |
| 3 | Giá tính thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế [28]=[27]/[26][[10]](#footnote-10) | [28] | (USD; VND)/ (thùng; m3) |  |
| 4 | Thuế tài nguyên bằng dầu khí phải nộp trong kỳ tính thuế | [29] | Thùng; m3 |  |
| 5 | Số tiền thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ tính thuế [30]=[28]x[29] | [30] | USD; VND |  |
| 6 | Số tiền thuế tài nguyên tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế | [31] | USD; VND |  |
| 7 | Chênh lệch giữa số tiền thuế phải nộp theo quyết toán với số đã kê khai trong kỳ tính thuế [32]=[30]-[31] | [32] | USD; VND |  |
| 8 | Tỷ giá quy đổi[[11]](#footnote-11) | [33] | VND/USD |  |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:..............................  Chứng chỉ hành nghề số:....... | *..., ngày....... tháng....... năm 2023*  **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**  **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  (*Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử*) |

1. *Đối với mục* ***[01]*** *đến mục* ***[03]****: Đánh dấu X vào một trong 3 mục, tương ứng với từng loại dầu khí cần khai quyết toán thuế tài nguyên.*

   *Trường hợp Liên doanh Việt-Nga “Vietsovpetro” khai thác đồng thời dầu thô, condensate và khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.* [↑](#footnote-ref-1)
2. *Kỳ tính thuế tài nguyên là năm dương lịch. Kỳ tính thuế tài nguyên đầu tiên bắt đầu từ ngày khai thác dầu thô, condensate và khí thiên nhiên đầu tiên cho đến ngày kết thúc năm dương lịch đầu tiên. Kỳ tính thuế tài nguyên cuối cùng bắt đầu từ ngày đầu tiên của năm dương lịch cuối cùng đến ngày kết thúc khai thác dầu thô, condensate và khí thiên nhiên.* [↑](#footnote-ref-2)
3. Đánh dấu X vào ô này nếu người nộp thuế thực hiện khai quyết toán thuế lần đầu trong kỳ tính thuế *đối với hoạt động khai thác, xuất bán dầu thô và khí thiên nhiên của Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro tại Lô 09.1*, trường hợp người nộp thuế có khai bổ sung thì điền số lần bổ sung tại mục ***[06]***. *Lưu ý: chỉ điền một trong hai mục* ***[05]*** *hoặc* ***[06]****.* [↑](#footnote-ref-3)
4. *Điền đầy đủ tên người nộp thuế* là *Liên doanh Việt-Nga “Vietsovpetro” (sau đây gọi chung là VIETSOVPETRO).* [↑](#footnote-ref-4)
5. Điền đầy đủ mã số thuế của *VIETSOVPETRO*. [↑](#footnote-ref-5)
6. *Điền đầy đủ thông tin của tổ chức Việt Nam thực hiện khai quyết toán thuế tài nguyên thay được VIETSOVPETRO uỷ quyền theo quy định của pháp luật tại các mục từ* ***[17]*** *đến* ***[25]***. [↑](#footnote-ref-6)
7. Điền đầy đủ thông tin của đại lý thuế trong trường hợp *VIETSOVPETRO* có ký hợp đồng với đại lý thuế để thực hiện khai quyết toán thuế tài nguyên thay cho mình tại các mục từ ***[17]*** *đến* ***[25]***. [↑](#footnote-ref-7)
8. *USD: đô la Mỹ; VND: đồng Việt Nam.* [↑](#footnote-ref-8)
9. *Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế:*

   *- Sản lượng dầu thô, condensate chịu thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế là toàn bộ sản lượng dầu thô, condensate chịu thuế tài nguyên khai thác và xuất bán trong kỳ tính thuế (Căn cứ khoản 1 Điều 9 Thông tư 176/2014/TT-BTC)*

   *- Sản lượng khí thiên nhiên chịu thuế tài nguyên bình quân ngày trong kỳ tính thuế là toàn bộ sản lượng khí thiên nhiên chịu thuế tài nguyên thực tế khai thác, giữ được và xuất bán trong kỳ tính thuế chia (:) cho số ngày khai thác trong kỳ tính thuế (Căn cứ khoản 2 Điều 9 Thông tư 176/2014/TT-BTC).* [↑](#footnote-ref-9)
10. *Giá tính thuế tài nguyên:*

    *- Đối với dầu thô, condensate trong kỳ tính thuế là giá bình quân gia quyền của sản lượng dầu thô, condensate chịu thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế được bán tại điểm giao nhận theo hợp đồng giao dịch sòng phẳng trong kỳ tính thuế, không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp dầu thô, condensate được bán không theo hợp đồng giao dịch sòng phẳng, giá tính thuế được xác định theo hướng dẫn tại Điều 5 Chương I Thông tư 176/2014/TT-BTC (Căn cứ khoản 1 Điều 9 Thông tư 176/2014/TT-BTC).*

    *- Đối với khí thiên nhiên là giá bán khí thiên nhiên được xác định theo Hợp đồng mua bán khí lô 09-1 được các phía tham gia Liên doanh phê duyệt. Trường hợp trong năm, có nhiều mức giá khác nhau thì giá tính thuế tài nguyên là giá bình quân gia quyền của sản lượng khí thiên nhiên chịu thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế (Căn cứ khoản 2 Điều 9 Thông tư 176/2014/TT-BTC).* [↑](#footnote-ref-10)
11. *Trường hợp dầu thô, condensate, khí thiên nhiên bán tại thị trường Việt Nam hoặc Chính phủ có quy định khác thì đồng tiền nộp thuế là đồng Việt Nam; tỷ giá quy đổi thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán.* [↑](#footnote-ref-11)